

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 14/2013/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 06/9/2012 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 66/2012/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này là cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Điều 2 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Xác định mức phạt tiền cụ thể

1. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung hình phạt và mức tối thiểu của khung hình phạt.

2. Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì mức tiền phạt được giảm hoặc tăng 20% so với mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó, song không được thấp hơn mức tối thiểu và không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt.

3. Khi xác định mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xem xét giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc có một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ, nếu còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Xác định tiền bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra

Việc xác định tiền bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra khi áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với tổ chức bị xử phạt do có hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định tương ứng với giá trị tài sản mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức quy định. Giá trị tài sản mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức được quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

2. Đối với tổ chức bị xử phạt do có hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định tương ứng với tiền thuê tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường.

3. Đối với tổ chức bị xử phạt do có hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định quy định tại Điều 12 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định tương ứng với tiền thuê tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường.

4. Đối với tổ chức bị xử phạt do có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc hoặc chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định tương ứng với tiền thuê tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường.

5. Đối với tổ chức bị xử phạt do có hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà nước gây thất thoát, hư hỏng tài sản quy định tại Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định như sau:

a) Đối với tài sản bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định tương ứng với giá mua mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn, công năng sử dụng tương đương trên thị trường;

b) Đối với tài sản bị hư hỏng có thể khắc phục được, số tiền bồi thường thiệt hại là chi phí để sửa chữa tài sản đó.

Điều 5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi tài sản nhà nước

1. Khi tiến hành thủ tục xử phạt đối với các hành vi vi phạm mà phải áp dụng biện pháp thu hồi tài sản nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt căn cứ thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước để ra quyết định thu hồi nếu thuộc thẩm quyền của mình; trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình, phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định thu hồi.

Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (trong đó nêu rõ hiện trạng của tài sản đề nghị thu hồi; các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng);

b) Bản sao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Bản sao Biên bản vi phạm hành chính;

d) Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản vi phạm (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, căn cứ hồ sơ do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp, cơ quan có thẩm quyền thu hồi có trách nhiệm ra quyết định thu hồi tài sản; trường hợp cơ quan có thẩm quyền thu hồi xét thấy không có đủ căn cứ để áp dụng biện pháp thu hồi tài sản thì phải có văn bản thông báo cho người đề nghị thu hồi, trong đó nêu rõ lý do không áp dụng biện pháp thu hồi tài sản.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản nhà nước và xử lý tài sản sau thu hồi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương II

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 6. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thực hiện mua sắm không có quyết định của cấp có thẩm quyền. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được xác định theo từng lần mua sắm.

3. Hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi mua sắm tài sản vượt về diện tích (đối với trụ sở làm việc), vượt về số lượng, vượt về mức giá (đối với phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc) so với tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Việc xác định phần giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức để làm căn cứ xử phạt được quy định như sau:

a) Trường hợp mua sắm tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với đơn giá của tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản.

b) Trường hợp mua sắm tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng giá trị của tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản trừ đi giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

c) Trường hợp mua sắm trụ sở làm việc vượt tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá mua bình quân theo hóa đơn (hoặc theo hợp đồng mua sắm tài sản).

Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi thực hiện thuê tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thuê tài sản khi không có quyết định của cấp có thẩm quyền.

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thuê tài sản để phục vụ hoạt động của tổ chức vượt về diện tích (đối với trụ sở làm việc), vượt về số lượng (đối với phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc) so với tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi không thông báo công khai nhu cầu thuê tài sản trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với hợp đồng thuê có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên cho cả thời hạn thuê;

b) Hành vi không thực hiện đấu thầu khi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê áp dụng đối với các trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện đấu thầu.

4. Giá trị hợp đồng thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt được xác định bằng đơn giá thuê nhân với (x) thời hạn thuê được ghi trên hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không xác định rõ thời hạn thuê thì giá trị hợp đồng thuê tài sản được xác định bằng đơn giá thuê nhân với (x) số lượng tài sản theo thời gian thực tế thuê tài sản.

Điều 8. Xử phạt hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức

Việc xử phạt hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước cho người sử dụng, bộ phận sử dụng đúng đối tượng nhưng vượt về diện tích (đối với trụ sở làm việc), vượt về số lượng (đối với phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc).

2. Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức được quy định như sau:

a) Trường hợp bố trí, sử dụng tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng vượt nhân với (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi nguyên giá tài sản, thì lấy theo giá trị mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, công năng sử dụng tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra vi phạm;

b) Trường hợp bố trí, sử dụng tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng vượt nhân với (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi nguyên giá tài sản, thì lấy theo giá trị mua sắm mới tài sản

cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, công năng sử dụng tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra vi phạm;

c) Trường hợp tài sản là trụ sở làm việc: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá bình quân theo sổ sách kế toán; trường hợp trên sổ sách kế toán không theo dõi thì đơn giá tính theo suất đầu tư của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ Xây dựng ban hành áp dụng tại thời điểm hành vi vi phạm xảy ra.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức, ngoài bị phạt tiền theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Trường hợp đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nêu tại điểm b khoản 4 Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP thì không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nêu tại điểm c khoản 4 Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Điều 9. Xử phạt hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích

1. Hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước không đúng với mục đích, công năng sử dụng của tài sản được đầu tư, trang bị, mua sắm. Một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp làm nhà ở hoặc sử dụng vào mục đích cá nhân;

b) Bố trí, sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc đối với chức danh không có tiêu chuẩn; bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh không có tiêu chuẩn sử dụng xe mà không được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí sử dụng xe ô tô vào mục đích cá nhân;

c) Bố trí, sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác vào mục đích cá nhân.

2. Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết, cho thuê thì xử phạt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số

66/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều này; không xử phạt theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư này.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết, cho thuê không đúng quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư này.

Điều 10. Xử phạt hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định

Việc xử phạt hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định là hành vi cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài sản nhà nước không đúng quy định của pháp luật, không phân biệt có hợp đồng cho mượn hay không có hợp đồng cho mượn, không phân biệt thời hạn cho mượn.

Điều 11. Xử phạt hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản nhà nước không đúng quy định

Việc xử phạt hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản nhà nước không đúng quy định được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định chi tiết như sau:

1. Hành vi biếu, tặng cho tài sản nhà nước không đúng quy định là hành vi sử dụng tài sản nhà nước để làm quà tặng vi phạm Quy chế tặng quà do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Hành vi trao đổi tài sản nhà nước quy định tại Điều 13 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi dùng tài sản nhà nước của tổ chức để đổi lấy tài sản của tổ chức, cá nhân khác mà không được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 12. Xử phạt hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Điều 14 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất liền kề tự chuyển dịch mốc giới thửa đất để mở rộng diện tích đất hoặc xây dựng công trình lấn chiếm sang

không gian phần diện tích đất thuộc khuôn viên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Tổ chức, cá nhân tự ý sử dụng nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 13. Xử phạt hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước

Việc xử phạt hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước là việc nắm giữ, sử dụng tài sản nhà nước mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Điều 14. Xử phạt hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định

Việc xử phạt hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết mà tại thời điểm thực hiện hành vi không có quyết định của cấp có thẩm quyền.

Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết làm cho tổ chức không hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ do Nhà nước giao hoặc Nhà nước đặt hàng.

3. Hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản khi sử dụng vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá tài sản sử dụng vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết;

b) Hành vi vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản sử dụng vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 15. Xử phạt hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định

Việc xử phạt hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản là: Việc không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và dự toán được giao của tổ chức.

Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản nhà nước để hư hỏng, thất thoát tài sản quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản nhà nước dẫn đến mất mát tài sản; mất mát, bị thay đổi hoặc làm biến dạng linh kiện, phụ tùng của tài sản hoặc làm tài sản bị hư hỏng.

2. Hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý dẫn đến việc quyết định xử lý tài sản không đúng quy định.

Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được xác định theo thời hạn xử lý quy định tại quyết định xử lý tài sản. Trường hợp tại quyết định xử lý tài sản không quy định thời hạn cụ thể, thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý gia hạn việc xử lý tài sản, thì thời hạn quy định được xác định theo thời hạn sau khi đã được gia hạn.

2. Hành vi vi phạm các quy định về thành lập Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản, Hội đồng tiêu hủy tài sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Không thành lập Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản, Hội đồng tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Có thành lập Hội đồng quy định tại điểm a khoản này nhưng không đủ thành phần theo quy định;

c) Không tuân thủ đúng các nguyên tắc hoạt động của Hội đồng.

3. Hành vi vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi không thông báo công khai việc thuê tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Hành vi không thực hiện đấu thầu để lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản nhà nước đối với những trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện đấu thầu.

4. Hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thông báo công khai bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Không thực hiện niêm yết về việc bán đấu giá tài sản nhà nước tại những địa điểm quy định;

b) Không thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với việc bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

c) Nội dung niêm yết, thông báo công khai không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

5. Hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản, tổ chức bán đấu giá tài sản khi xử lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi không thực hiện thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức bán;

b) Hành vi không thực hiện bán đấu giá tài sản đối với những trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện bán đấu giá.

Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm về đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản nhà nước

1. Hành vi cố ý kê khai, nhập, duyệt dữ liệu tài sản nhà nước không đúng quy định, làm sai lệch số liệu tài sản nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Lập Báo cáo kê khai về tài sản để đăng nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước không đúng hồ sơ, giấy tờ pháp lý, không phù hợp với hiện trạng của tài sản hiện có tại đơn vị; không đúng thời hạn quy định;

b) Cố ý tẩy, xóa, sửa chữa báo cáo kê khai tài sản làm sai lệch số liệu về tài sản nhà nước so với hiện trạng của tài sản;

c) Nhập, duyệt dữ liệu về tài sản nhà nước không đúng so với báo cáo kê khai của tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản;

d) Thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới khi chưa có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính;

đ) Truy cập, xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, phá hoại, làm thay đổi số liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, cấu trúc chương trình phần mềm.

2. Hành vi sử dụng số liệu về tài sản nhà nước trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu đó cho phép quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Khai thác thông tin tài sản nhà nước trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc phạm vi quản lý;

b) Sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu vào các mục đích khác ngoài các mục đích được quy định tại Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép.

3. Cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước được quy định cụ thể như sau:

a) Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính đối với Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước của cả nước;

b) Cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương III

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 19. Phạm vi tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước được quy định tại các Điều 22, 23 và 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

1. Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất; phương tiện vận tải; máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác phục vụ công tác quản lý của các Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Tài sản phục vụ hoạt động của các chuyên gia nước ngoài, các nhà thầu tư vấn, giám sát, thi công thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA và nguồn

viện trợ phi chính phủ nước ngoài khi dự án kết thúc chuyển giao cho phía Việt Nam.

3. Tài sản thuê ngoài phục vụ công tác quản lý của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

4. Vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia cũ khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới.

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi mua sắm tài sản mà khi thực hiện mua sắm không có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Việc xác định giá trị tài sản vượt so với tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

4. Hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản để phục vụ công tác quản lý của các dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi bố trí, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Hành vi bố trí, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng mục đích quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Hành vi cho mượn tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

4. Hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

5. Hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

6. Hành vi sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với các tài sản do chuyên gia ODA, nhà thầu tư vấn giám sát chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi quá thời hạn theo quy định

mà không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đó.

2. Hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản gây hư hỏng, thất thoát tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản dẫn đến mất mát tài sản, linh kiện, phụ tùng của tài sản hoặc làm tài sản bị hư hỏng.

3. Hành vi xử lý tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi tổ chức xử lý tài sản mà khi xử lý không có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

4. Hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

5. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Chương IV

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 23. Phạm vi tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

1. Tài sản bị tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự và tổ tụng hình sự;

2. Tài sản bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản không xác định được chủ sở hữu và các tài sản khác theo quy định của pháp luật là tài sản nhà nước;

3. Tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng cho, đóng góp và các hình thức chuyển giao quyền sở hữu tài sản khác cho Nhà nước, tài sản viện trợ của Chính phủ, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế khác.

Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn lập phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi quá thời hạn theo quy định mà cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản không lập phương án xử lý để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2013.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 27 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ trong việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Nghị định số 66/2012/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các cơ quan chức năng của nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi vi phạm có trách nhiệm chuyển hồ sơ hoặc thông báo tới cơ quan có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định số 66/2012/NĐ-CP để xem xét, xử lý theo quy định.

3. Định kỳ hàng năm, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 27 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có trách nhiệm báo cáo Bộ, ngành chủ quản (đối với cơ quan thuộc trung ương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan thuộc địa phương) về tình hình và kết quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước để tổng hợp vào Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gửi Bộ Tài chính để báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TƯ Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ,
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Chí